

Thích ứng sinh kế của người nhập cư Khmer tại quận ven đô: Điển cứu tại phường Bình Trị Đông B và phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

- Ngô Thị Thu Trang
- Hồ Kim Thi
- Châu Thị Thu Thủy
- Ngô Hoàng Đại Long

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Vùng ven đô được biết đến như một khu vực chuyển tiếp giữa nông thôn và đô thị, là nơi tích tụ của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với nhu cầu cao về lao động. Bình Tân là một trong những quận vùng ven của TP. HCM với tốc độ đô thị hóa cao, là địa bàn thu hút các dòng di cư từ nông thôn ra thành thị, đặc biệt là lao động từ ĐBSCL. Các số liệu thống kê gần đây cho thấy người Khmer cũng lựa chọn nơi đây để sinh sống và tạo thu nhập với đa dạng sinh kế khác nhau, phần lớn là các công việc thuộc khu vực kinh tế phi chính thức. Bài viết sẽ phân tích những chuyển đổi về mặt sinh kế mà dân nhập cư Khmer đang trải qua nhằm thích ứng với cuộc sống tại khu vực ven đô này. Dữ liệu phân tích của bài viết được thu thập trong 2 đợt khảo sát tại hai phường của quận Bình Tân (phường Bình Trị Đông B và phường An Lạc), với số bảng hỏi là 120 và 10 mẫu phỏng vấn sâu cho các đối tượng dân

nhập cư Khmer hoạt động những ngành nghề khác nhau. Kết quả cho thấy người dân nhập cư Khmer dần hòa nhập với cuộc sống đô thị ở TP. HCM nhưng đồng thời cũng nổi lên những cản ngại trong quá trình thích ứng với sinh kế mới. Bởi người nhập cư Khmer có xu hướng xuất phát điểm ở nông thôn và gắn bó với nghề nông, kết hợp với bản sắc văn hóa đặc trưng, do đó dễ thích nghi với sinh kế mới và môi trường sống mới của một đô thị lớn là một thách thức lớn. Vì vậy, trong khi cơ cấu việc làm và thu nhập chuyển biến theo hướng tích cực thì đời sống tinh thần và hình thức cư trú lại có sự biến đổi sâu sắc. Để khắc họa rõ nét hơn, bài viết này sẽ đề cập đến một số chân dung của người nhập cư Khmer đang làm việc ở các ngành nghề khác nhau ở cả khía cạnh thuận lợi và khó khăn trong quá trình thích ứng với cuộc sống mới tại khu vực ven đô.

Từ khóa: Vùng ven, thích ứng sinh kế, chuyển đổi sinh kế, người nhập cư Khmer

1. Dẫn nhập

Vùng ven đô được biết đến như một khu vực chuyển tiếp giữa nông thôn và đô thị. Với đặc trưng của đô thị khu vực Đông Nam Á, vùng ven luôn gắn liền với khái niệm Desakota¹. Vùng ven đô tại TP.HCM, cũng không nằm ngoài đặc trưng ấy, nơi có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ các hoạt động nông nghiệp sang hoạt động phi nông nghiệp. Vùng ven đô TP.HCM còn là nơi giãn dân của trí thức, các cặp vợ chồng trẻ chọn mua nhà ở vùng ven để sinh sống. Với chính sách giãn dân của Nhà nước (năm 2005) về việc di dời các cơ sở sản xuất ra vùng phụ cận², đến nay vùng ven xuất hiện ngày càng nhiều các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các cơ sở xí nghiệp trong và ngoài nước thu hút các dòng di cư từ nông thôn ra thành thị. Người di cư chọn vùng ven để tiện mưu sinh và giảm chi phí đất đai tại khu vực trung tâm. Tất cả những yếu tố trên đã góp phần làm cho dân số ven đô tăng lên nhanh chóng. Đời sống kinh tế - xã hội, văn hóa của cư dân ven đô không ngừng thay đổi. Dân nhập cư Khmer cũng lựa chọn vùng ven đô để sinh sống và tạo thu nhập với các hoạt động sinh kế khác nhau.

Quận Bình Tân được tách ra từ huyện Bình Chánh theo quyết định số 130/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2003, bao gồm 10 phường. Quận là một trong những quận vùng ven của TP.HCM, đầu mối thông thương giữa thành phố với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), đang trong quá trình phát triển và đô thị hóa mạnh mẽ. Với tốc độ tăng trưởng dân số nhanh đã hình thành nên các khu công nghiệp như Tân Tạo, Vĩnh Lộc và nhiều công ty, xí nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước như Pouyeun, thu hút lượng lớn người nhập cư từ các tỉnh thành. Dân số của Quận tăng từ 254.364 người năm 2003 tăng lên 629.368 người

năm 2012. Trong đó gia tăng dân số cơ học là chủ yếu. Quy mô dân số đông chủ yếu là người nhập cư tạm trú (51.1%)³, với một lượng lớn dân số trong độ tuổi lao động gây sức ép lên các vấn đề quản lý về nhà ở, giải quyết việc làm, giao thông, môi trường và tác động trực tiếp đến sinh kế của người nhập cư tại quận Bình Tân.

Xét về nguồn gốc người dân nhập cư tại quận Bình Tân thì 91% có nguồn gốc xuất thân từ ĐBSCL⁴. Trong đó người nhập cư Khmer năm 2009 ở quận Bình Tân là 5.358 người⁵, cao nhất so với các quận huyện khác. Cho nên việc nhận dạng sự chuyển đổi sinh kế từ nhóm đối tượng này trong khu vực ven đô là cần thiết. Đây là đối tượng cần được quan tâm nhằm tạo điều kiện cho họ thích nghi với môi trường mới và góp phần tạo nền tảng sinh kế bền vững cho họ về lâu dài. Như vậy, câu hỏi đặt ra là người nhập cư Khmer thích ứng sinh kế như thế nào khi họ di dân đến khu vực có tốc độ đô thị hóa cao như quận ven đô Bình Tân?

Khái niệm về sinh kế được hiểu và diễn giải theo nhiều cách khác nhau. Nhưng ngắn gọn nhất, sinh kế được hiểu là các hoạt động cần thiết để kiếm sống của con người. Nó bao gồm khả năng, tài sản, thu nhập và các hoạt động cần thiết để bảo đảm nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Và *"năng lực thích ứng là năng lực của xã hội để thay đổi theo cách làm cho xã hội được trang bị tốt hơn để có thể quản lý những rủi ro hoặc sự nhạy cảm từ những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu"* (USAID, 2009, tr.36). Từ khái niệm này, nhóm tác giả thống nhất rằng năng lực thích ứng của một xã hội tốt sẽ có khả năng phục hồi trước những căng thẳng hoặc cú sốc từ môi trường không thể kiểm soát từ các yếu tố bên ngoài. Vì không đề cập đến yếu tố thuộc về sự biến đổi của tự nhiên, nghiên cứu này sẽ hiểu năng lực thích ứng chính là phản ánh khả năng, mức độ của hệ thống hoặc xã hội mà người nhập cư Khmer

¹ Mc.GEE Terry (1991), «The emergence of Desakota regions in Asia: Expanding a hypothesis », GINSBERG.N, KOPPEL.B and Mc.GEE. T. (dir.). *The extended metropolis: Settlement transition in Asia*, Hawaii: Honolulu, University of Hawaii press, p.3-25.

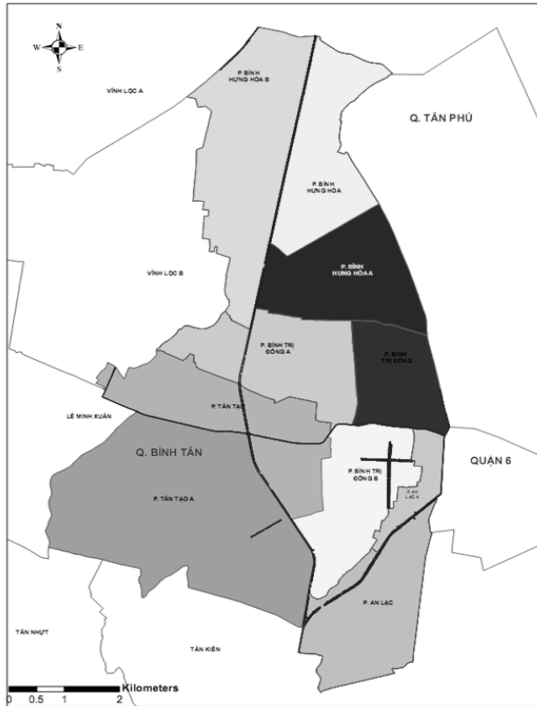
² Quyết định 68/2005/QĐ-UB, ngày 04 tháng 05 năm 2005

³ Niên giám thống kê Quận Bình Tân 2010.

⁴ Ibid

⁵ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 TP.HCM

đang sinh sống trong việc điều chỉnh hoặc ứng phó với điều kiện sống ở nơi đến (cụ thể là vùng ven đô Bình Tân của TP.HCM) nhằm đạt được các mục đích của di cư.



Hình 1. Bản đồ hành chính Quận Bình Tân

(Nguồn: Tác giả Ngô Thị Thu Trang thực hiện bằng phần mềm MapInfo Professional 10.5, 2015)

Như vậy, khái niệm liên quan đến thích ứng sinh kế cần được hiểu là quá trình của sự linh động hoặc thay đổi trong các hoạt động sinh kế để tạo thu nhập. Thực tế cho thấy, thích ứng sinh kế tích cực mang lại sự phồn thịnh cho cả nơi đi và nơi đến của người nhập cư; nhưng thích ứng sinh kế tiêu cực sẽ diễn ra khi người nhập cư Khmer buộc phải đối phó với những cú sốc dễ tồn tại. Vì vậy, nghiên cứu này sẽ xem xét hai loại thích ứng (1) *Thích ứng tự phát (autonomous adaptation)*: là những hoạt động thích ứng được thực hiện mang tính “phản xạ” nhằm đối phó với các tác động thực tế của bối cảnh đang diễn ra mà không có sự can thiệp chính sách. Đó thường là điều chỉnh mang tính tạm thời và thường diễn ra

trong ngắn hạn; (2) *Thích ứng có kế hoạch (planned adaptation)*: là những hoạt động thích ứng được lập kế hoạch và có sự cân nhắc thận trọng về nguồn lực trong bối cảnh đã dự đoán trước. Thích ứng có kế hoạch, thường là điều chỉnh mang tính chiến lược, chủ động để giải quyết các rủi ro theo cách đáp ứng tốt nhất các mục tiêu của xã hội và thường dài hạn.

Nghiên cứu theo hướng tiếp cận liên ngành, nhìn từ góc độ địa lý, sinh kế của dân nhập cư Khmer trong bối cảnh khu vực ven đô được xem là “dễ sống” đối với đối tượng là dân nhập cư lao động phổ thông⁶. Phần lớn các đối tượng dân nhập cư hướng đến là công việc trong các cơ sở xí nghiệp, chủ tư nhân, buôn bán phi chính quy, hay các hoạt động lao động phổ thông. Các công trình xây dựng không ngừng tăng lên tại khu vực này cung cấp một lượng lớn công việc cho dân nhập cư Khmer. Nhìn từ góc độ xã hội học, sinh kế của dân nhập cư Khmer là kết quả của một mạng lưới xã hội với sự dẫn dắt và hướng dẫn từ những người dẫn đường, những người thực hiện di dân trước đó đã ổn định công việc hay cả những mạng thường quân là người Khmer sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ cho những người mới đến. Nhìn từ góc độ nhân học, đặc tính của người dân Khmer quyết định đến việc lựa chọn công việc và sự “chung thủy” với công việc được chọn lựa. Dữ liệu phân tích của bài viết này thu thập trong 2 đợt khảo sát tại Bình Tân trong năm 2015 (từ tháng 8 đến tháng 11) với số bảng hỏi là 120 tại hai phường điển cứu là Bình Trị Đông B và An Lạc. Nhóm tác giả chọn 120 mẫu để có được độ tin cậy cho thống kê phần trăm, đối tượng mẫu được nhóm tác giả lựa chọn một cách ngẫu nhiên. Do đặc tính khó tiếp xúc của dân nhập cư Khmer, phần lớn không chịu tiếp chuyện với người lạ, “ngại” hoặc không trả lời câu hỏi của người phỏng vấn, do đó nhóm tác giả chỉ thực hiện được 10 mẫu phỏng vấn sâu cho các đối tượng dân nhập cư Khmer hoạt

⁶ NGO Thi Thu Trang, (2014), Périurbanisation et Modernité à Hồ Chí Minh-Ville. Étude du cas de l'arrondissement Bình Tân. Luận án tiến sĩ chuyên ngành Địa lý và Quy hoạch lãnh thổ, trường Đại học Pau và vùng Adour, 419 trang.

động trong những nhóm ngành nghề khác nhau thuộc hai phường điển cứu. Phường Bình Trị Đông B có tốc độ đô thị hóa cao nhất của Quận Bình Tân⁷, là phường có nhiều dự án quy hoạch như Khu Tên Lửa, Khu Đa Sà, Khu Bệnh viện quốc tế như Hoa Lâm Shanggri-La, Thành Đô... Đây là phường có mật độ xây dựng cao. Dân nhập cư Khmer làm chủ yếu các nhóm nghề “Thợ” như Thợ hồ, thợ làm bánh, thợ cắt kiếng... Phường An Lạc là nơi tập trung các cơ sở sản xuất, dịch vụ. Dân nhập cư Khmer làm chủ yếu là công nhân hoặc nhóm ngành dịch vụ. Tùy theo số phần trăm của từng ngành nghề, nhóm tác giả đã quyết định lựa chọn số mẫu phỏng vấn sâu tương thích. Ví dụ: đối với nhóm dân nhập cư khmer là công nhân chiếm 52.2%, chúng tôi chọn số mẫu phỏng vấn sâu là 4 mẫu. Nhóm dân nhập cư làm thợ hồ là 17.4% chúng tôi chọn số mẫu phỏng vấn sâu là 2 mẫu. Nhóm dân nhập cư làm các nghề dịch vụ là 9.3%, chúng tôi chọn số mẫu phỏng vấn sâu là 1 mẫu. Ngoài ra cán bộ quản lý của Khu phố và tổ dân phố nơi dân nhập cư Khmer sinh sống cũng được nhóm chúng tôi quan tâm, phỏng vấn. Phương pháp quan sát về đời sống của dân nhập cư Khmer được nhóm tác giả thực hiện trong suốt thời gian thực hiện đề tài.

Bài tham luận với những nội dung chính nêu lên những thích ứng về mặt sinh kế mà dân nhập cư Khmer tại quận ven Bình Tân như sau: (1) Sự thay đổi về cơ cấu việc làm; (2) Sự thay đổi về thu nhập; (3) Sự thay đổi đời sống tinh thần thể hiện qua sự thay đổi các hình thức cư trú; (4) Sự thay đổi đời sống tinh thần thể hiện qua mối quan hệ gắn kết với ngôi chùa.

2. Lược sử nghiên cứu

Trong khoảng 20 năm trở lại đây, vấn đề di cư ở nước ta đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Cuộc sống của người nhập cư luôn phải đối diện với những thách thức trong quá trình thích ứng sinh kế ở nơi đến. Những khó khăn chủ yếu của

nhóm đối tượng này chủ yếu là vấn đề nhà ở, vấn đề hộ khẩu, thiếu thông tin, kiến thức để bảo vệ mình. Đây cũng là những vấn đề đến nay TP.HCM chưa có giải pháp hiệu quả cho người nhập cư.

Một thực trạng là rất nhiều lao động nhập cư làm các công việc 3D (Dirty (bẩn), Dangerous (nguy hiểm) và Demeaning (thấp kém))⁸. Trong nhóm đối tượng dân nhập cư dễ bị tổn thương tại TP.HCM là dân tộc thiểu số. Theo đó, họ còn chịu nhiều thiệt thòi trong thụ hưởng chính sách dành riêng cho dân tộc mình vì do không có hộ khẩu ở nơi đến. Trong khi chính sách lại dành cho đối tượng có hộ khẩu ở nơi đi. Đồng nghĩa với việc dân tộc thiểu số không tiếp cận được các dịch vụ chính thức có lợi cho sinh kế của họ⁹.

Bàn về khía cạnh nghèo đa chiều, nghiên cứu về nghèo đô thị ở Việt Nam năm 2012 đã cho thấy, nếu chỉ xét về thu nhập đơn thuần hoặc chi tiêu, người nhập cư thường không được xếp vào dạng nghèo, nhưng ở khía cạnh nghèo đa chiều, tình trạng nghèo của người nhập cư sẽ ở mức nghiêm trọng, thể hiện ở 5 chiều thiếu hụt chính: *chi phí cuộc sống cao; việc làm bấp bênh; thiếu hòa nhập xã hội; hạn chế tiếp cận dịch vụ công; môi trường sống kém tiện nghi và thiếu an toàn*. Nhóm lao động nhập cư ở khu vực phi chính thức và nhóm công nhân nhập cư - là những nhóm có nhiều nguy cơ rơi vào nghèo đa chiều. Bên cạnh đó, các dòng nhập cư rất đa dạng nhưng thường có tính lựa chọn do tập tính di chuyển theo nhóm và dựa vào mạng lưới xã hội. Việc làm và thu nhập của nhóm nhập cư làm công việc tự do thường ăn đong theo ngày, tiến độ công trình, thậm chí “hên xui”... Người nhập cư với mục đích kinh tế thường sẵn sàng làm việc quá thời gian, quá sức để có thêm thu nhập, nên sức khỏe bị ảnh hưởng xấu. Hơn nữa, việc người lao động nhập cư mong mỏi được trở về quê ngày càng tăng bởi họ

⁷ Báo cáo tình hình kinh tế xã hội của Quận Bình Tân năm 2012, UBND Quận Bình Tân.

⁸ Lê Bạch Dương, Nguyễn Thanh Liêm (2011), Từ nông thôn ra thành phố: tác động kinh tế-xã hội của di cư ở Việt Nam, NXB Lao động, Hà Nội.

⁹ Irish Aid, Action Aid (2011). Phụ nữ di cư trong nước-Hành trình gian nan tìm kiếm cơ hội

thường đối diện với đa cú sốc, làm bộc lộ rõ tính bất ổn định nghề nghiệp. Thiết kế các chính sách hỗ trợ thích hợp và không phân biệt đối xử đối với người nhập cư, không phụ thuộc vào tình trạng hộ khẩu là đề xuất quan trọng cho vấn đề người nhập cư ở đô thị hiện nay. Cho nên, đầu tư mạnh hơn cho chương trình giảm nghèo đô thị cũng chính là góp phần giảm nghèo ở nông thôn bởi việc làm của người nhập cư tại đô thị gắn với tiền gửi về nhà của người nhập cư đóng vai trò quan trọng trong chiến lược sinh kế đa dạng hóa của cư dân nông thôn¹⁰.

Nghiên cứu về nghèo đói ở ĐBSCL còn cho thấy người nghèo Khmer có rất ít cơ hội kiếm được việc làm, nếu có cũng chỉ là lao động giản đơn với thu nhập thấp. Rất ít người Khmer kiếm được việc tại các xí nghiệp. Nguyên nhân chính là do người Khmer có trình độ học vấn rất thấp và nhiều người trong số họ mù chữ cả tiếng Việt lẫn tiếng Khmer. Tỷ lệ người Khmer nghèo được học đến trung học chỉ ở mức 1/3 tỷ lệ trung bình ở ĐBSCL và phổ thông cơ sở chỉ đạt 1/5. Rào cản khác đối với cơ hội việc làm của họ là thiếu thông tin và quan hệ xã hội. Khả năng tiếp cận các nguồn lực, bao gồm vay tín dụng từ các nguồn chính thức, các điều kiện cơ sở hạ tầng như điện, nước sạch, các công trình vệ sinh của các hộ dân Khmer nghèo bị hạn chế. Hơn nữa, người Khmer nghèo có ít điều kiện tiếp xúc với chính quyền các cấp và ít cơ hội tham gia vào các qui trình ra quyết định trong các chính sách có liên quan. Điều này giúp giải thích lý do vì sao số hộ dân Khmer thoát nghèo ít và biểu hiện của nghèo đa chiều rõ nét¹¹.

Đối với người Khmer nhập cư, những vấn đề khó khăn của họ còn do quá trình di cư nhỏ lẻ từ nhiều giai đoạn khác nhau. Kinh tế của họ cũng gặp nhiều khó khăn trong quá trình tạo dựng đời sống nơi có sự năng động và đòi hỏi trình độ để nắm bắt

kiến thức, nhanh nhạy trong tư duy kinh tế như TP.HCM. Nguyên nhân chủ yếu là do vốn con người còn thấp hơn so với mặt bằng chung¹². Tầm quan trọng của giá trị văn hoá thể hiện trong việc gắn kết cộng đồng và tạo nên bản sắc dân tộc. Tuy nhiên nó có thể trở thành một lực cản gây hạn chế trong việc phát triển nguồn nhân lực trong một xã hội hiện đại¹³. Điều này thể hiện một phần trong kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả. Phần lớn người dân nhập cư Khmer vẫn còn “co cụm” trong các khu cư trú của họ. Tại hai phường điển cứu An Lạc và Bình Trị Đông B, dân nhập cư Khmer tập trung tại hai khu cư trú của hai phường. Phần còn lại cho thấy chính giá trị văn hóa gắn kết cộng đồng đã tạo điều kiện cho dân nhập cư Khmer thích ứng với các hoạt động sinh kế của khu vực ven đô được dễ dàng hơn. Đặc trưng của khu vực nghiên cứu là quận ven Bình Tân, nơi có “Đại Gia” T.B. Ông là người Khmer và có ảnh hưởng mạnh mẽ trong thị trường bất động sản, hệ thống dịch vụ như Bệnh viện Triều An (bệnh viện lâu đời và nổi tiếng tại quận Bình Tân) và các chi nhánh ngân hàng Sài Gòn Thương Tín. Ông T.B là người đã dẫn dắt, nâng đỡ cho những người dân nhập cư Khmer đầu tiên làm việc tại các công trình xây dựng của Công ty Đầu tư Xây dựng Bình Chánh (BCCI) từ năm 1999 (Ông T.B với cương vị là phó ban quản lý dự án Khu dân cư An Lạc – Bình Trị Đông và thành viên hội đồng quản trị của BCCI). Hiện tại khu nhà trọ cho người Khmer tại hai phường điển cứu là do Ông xây và cho thuê với giá rẻ hoặc miễn phí cho những lao động làm trong hệ thống dịch vụ của Ông.

Thích nghi ở môi trường sống ven đô cũng là một thách thức lớn cho người dân nhập cư Khmer. Đồng bào dân tộc thiểu số không thông thạo tiếng Việt sẽ có khả năng lâm vào cảnh nghèo gấp 1.9 lần

¹⁰ ActionAid, Oxfam (2012). Giảm nghèo đô thị tại Việt Nam: Thách thức mới, cách tiếp cận mới, Tóm tắt kết quả chính của Dự án Theo dõi Nghèo Đô thị 2008 – 2012.

¹¹ AusAID, 2004. Phân tích hiện trạng nghèo đói ở ĐBSCL, Báo cáo tổng kết dự án Phân tích hiện trạng nghèo đói ở ĐBSCL.

¹² Nguyễn Thị Hoài Hương, 2012. “Chất lượng cuộc sống của người Khmer ở TP.HCM”, Hội thảo Chất lượng cuộc sống của người dân TP. HCM trong bối cảnh kinh tế hiện nay.

¹³ Ngô Văn Lệ, 2011. “Các nhân tố văn hóa xã hội đối với sự phát triển và phát triển bền vững của các dân tộc người thiểu số: Trường hợp nghiên cứu người Khmer và Chăm Nam bộ”, *Hội nghị thông báo Dân tộc học năm 2011*, Hà Nội.

so với người dân tộc thiểu số thông thạo tiếng Việt và gấp 7.8 lần so với người Kinh hay Hoa¹⁴. Đô thị hóa ảnh hưởng tới các hoạt động sinh kế của hộ và buộc một bộ phận lao động Khmer di cư, tìm kiếm cơ hội mới¹⁵. Đối với người Khmer nhập cư tại TP.HCM, đặc điểm sinh kế ở nơi đi, cũng như những đặc trưng riêng của họ ảnh hưởng đến chiến lược sinh kế tại nơi đến. Những bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Khmer ở ĐBSCL¹⁶ đã phần nào nhận diện sơ bộ nguồn vốn sinh kế và đặc điểm sinh kế của họ, gợi mở những đặc điểm của lực đẩy chủ yếu buộc họ phải di cư tìm kiếm cơ hội tại TP.HCM. Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả là một bước tiếp theo nhằm nhận định những thuận lợi từ sự hỗ trợ của những người đồng hương và những khó khăn ban đầu của những người di cư gặp phải dưới khi chuyển từ đời sống nông thôn sang đô thị.

Nhìn chung, các nghiên cứu về sinh kế người nhập cư Khmer tại vùng ven đô TP.HCM chưa được quan tâm, chủ yếu được lồng ghép trong các nghiên cứu về người nhập cư nói chung. Trong khi người Khmer có những đặc trưng khác biệt về vốn sinh kế và văn hoá, tín ngưỡng. Bài viết của nhóm nghiên cứu là một bước tiếp nối của kết quả về những bất ổn sinh kế của người dân Khmer tại vùng đi, tạo điều kiện cho các luồng di dân nông thôn - đô thị, mà điểm đến là TP.HCM, cụ thể là quận ven Bình Tân. Nơi đây được xem là cửa khẩu của ĐBSCL và các tỉnh Đông Nam Bộ và là ngõ vào chính của dân nhập cư từ miền tây vào TP.HCM. Dân nhập cư Khmer tập trung phần đông tại khu vực này và tạo nên một bức tranh sinh kế đa dạng với nhiều hoạt động khác nhau đặc trưng của khu

vực ven đô. Bài viết sẽ phân tích những chuyển đổi về mặt sinh kế mà dân nhập cư Khmer đang trải qua tại khu vực ven đô này.

3. Sự chuyển đổi hoạt động sinh kế của dân nhập cư Khmer tại quận ven Bình Tân

Với lực đẩy của di cư lao động tại vùng nông thôn và lực hút của cơ hội việc làm và thu nhập tại những thành phố lớn như TP.HCM là nguyên nhân của sự gia tăng rõ nét dân nhập cư Khmer tại TP.HCM từ 2.900 người năm 1989 tăng lên 24.268 người năm 2009.

Kết quả khảo sát cho thấy, số lượng dân nhập cư Khmer mù chữ tại địa bàn điền cứu chiếm 6.8%. Tuy nhiên có đến 20.5% là đối tượng không nói (1.2%) hoặc không viết (19.3%) được tiếng Kinh. Điều này nghĩa người Khmer đã đi học tiếng Kinh nhưng họ đã bị quên.

Khả năng ngôn ngữ của họ cũng bị hạn chế để tiếp cận với môi trường sống mới tại khu vực đô thị. Đây chính là một trong những nguyên nhân họ gặp khó khăn trong việc thích ứng sinh kế của họ. Tuy nhiên nhờ vào mạng lưới xã hội, những người lên trước giới thiệu việc làm cũng như hướng dẫn cho những người lên sau thích ứng với công việc mới. Tại khu vực nghiên cứu cho thấy số lượng người nhập cư lâu năm từ 10 đến 15 năm chiếm 20,5% tổng số mẫu điều tra, nghĩa là những người nhập cư lâu năm này là những người dẫn đường cho những người đến sau. Đa phần họ đã có thể tạm trú dài hạn (KT3) mà không phải người dân nhập cư nào cũng có loại giấy tờ quan trọng này¹⁷, có đến 45% dân nhập cư Khmer tại địa bàn điền cứu đã có chứng nhận tạm trú dài hạn.

¹⁴ Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2011, Giảm nghèo ở Việt Nam: Thành tựu và thách thức.

¹⁵ Hồ Kim Thi (2014), Thích ứng sinh kế của hộ nông dân Khmer ở vùng ven đô Quận Ô Môn TP. Cần Thơ, Luận văn Thạc sĩ, Trường ĐHKHXH&NV TP.HCM.

¹⁶ Ngô Phương Lan, (2012), Bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Kh' mer ở Đồng Bằng Sông Cửu Long, nghiên cứu con người, số 3, trang 44-54.

¹⁷ <http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/20100529/lam-the-kt3-khong-de/381073.html>, (truy cập ngày 29/05/2010).

Bảng 1. Khả năng sử dụng ngôn ngữ của người Khmer

Khả năng sử dụng ngôn ngữ	Tiếng Khmer		Tiếng Kinh	
	Người	% Người	Người	% Người
Không nói được	2	1.2	2	1.2
Biết nói	86	53.5	31	19.3
Biết nói và viết	73	45.3	128	79.5
Tổng cộng	161	100.0	161	100.0

(Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, tháng 11 năm 2015)

Bảng 2. Thời gian người Khmer đến địa bàn nghiên cứu sinh sống

Số năm nhập cư	Người	% Người
Giá trị	Dưới 5 năm	50.9
	Từ 5 - 10 năm	23.6
	Từ 10 - 15 năm	20.5
	Từ 16 - 20 năm	5.0
	Tổng cộng	100.0

(Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, tháng 11 năm 2015)

3.1. Sự thay đổi về cơ cấu việc làm

Đời sống kinh tế của người Khmer ở ĐBSCL căn bản dựa vào sản xuất nông nghiệp, độc canh cây lúa và chăn nuôi bò là ngành sản xuất truyền thống của họ¹⁸. Việc làm của dân nhập cư Khmer tại TP.HCM là hết sức đa dạng, từ lao động phổ thông, giúp việc nhà, phụ buôn bán đến các ngành vốn thu hút đông đảo lao động, như xây dựng, dệt may, thủy sản. Khu vực ven đô như Bình Tân với sự hiện diện của nhiều cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, do đó dân nhập cư Khmer cư trú tại địa bàn này phần lớn là công nhân (52,2%). Ngoài ra, đặc trưng vùng ven với tốc độ xây dựng cao đã thu hút phần lớn các đối tượng này tham gia vào công việc phụ hồ (17.4%). Người Khmer thành đạt đầu tiên khi đến vùng đất này có thể kể đến là Ông T.B, là người có nhiều tài sản đất đai ở quận Bình Tân. Ông đã giúp những người nhập cư Khmer đầu tiên đến với công việc thợ hồ. Ngoài ra công việc khác cũng được lựa chọn như nhân viên (10.6%) vì Ông T.B là người đã sáng lập ra bệnh viện Triều An.

Ông T.B còn là thành viên của hội đồng quản trị Ngân hàng cổ phần Sài Gòn Thương Tín. Do vậy mà dân nhập cư Khmer cũng dễ dàng hơn cho việc xin việc tại đây “(...) người dân nhập cư Khmer như chúng tôi được ưu ái hơn trong việc xét duyệt hồ sơ xin việc”¹⁹.

Vùng ven đô thu hút nhiều gia đình chọn những nghề sản xuất thủ công như làm bánh, cắt kiếng, ráp quạt máy, làm đồ nhôm... Đây là nơi có điều kiện đất đai cho những gia đình này xây nhà cho sinh hoạt và sản xuất. Họ đã thuê dân nhập cư Khmer làm việc và ở lại trong nhà của họ, trong khảo sát này có 4.3% mẫu phỏng vấn lựa chọn những công việc này. Đối với các gia đình sản xuất nhỏ ưu tiên chọn dân nhập cư Khmer vì nhiều lý do khác nhau “Tôi chọn dân nhập cư Khmer phụ giúp cho công việc làm bánh của gia đình vì họ hiền, chăm chỉ, không đòi hỏi tăng lương và nhất là không tham lam. Hiện tại có 6 Chị người Khmer đang làm việc cho gia đình tôi”²⁰.

¹⁸ Nguyễn Ngọc Huệ và Trần Thanh Bé, *Người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long: những điều kiện để thoát nghèo*, Tạp chí nghiên cứu khoa học 2005, số 4, trang 163 đến 172.

¹⁹ Chị L.K.H, nhân viên hộ lý bệnh viện triều an, dân nhập cư Khmer đến Bình Tân từ năm 2009.

²⁰ Anh .L.V.H, Chủ hộ sản xuất bánh ngọt tại Quận ven Bình Tân.

Bảng 3. Nghề nghiệp của người Khmer nhập cư tại quận Bình Tân

STT	Công việc chính	Người	% Người
1	Công nhân	84	52.2
2	Dịch vụ (tài xế, phụ xe, tạp vụ, xe ôm, bốc vác,...)	15	9.3
3	Nhân viên (văn phòng, hộ lý, hướng dẫn viên, giao hàng, thủ kho, bảo vệ,...)	17	10.6
4	Nội trợ, thất nghiệp, không đi làm	10	6.2
5	Phụ hồ	28	17.4
6	Thợ (làm bánh, cắt kiếng,...)	7	4.3
	Tổng cộng	161	100.0

(Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, tháng 11 năm 2015)

Sự thay đổi về nghề nghiệp tại nơi đến không là quyết định ưu tiên, phần lớn họ chung thủy với công việc đã chọn hoặc được giới thiệu từ lúc ban đầu (65.8%). “Tôi lên đây bắt đầu làm công nhân và bây giờ cũng làm công nhân, tôi hài lòng với công việc của mình ở công ty PouYuen và không thích thay đổi, tôi sẽ làm công việc này đến khi trở lại quê nhà sinh sống”²¹. Những quyết định thay đổi việc là do điều kiện sức khỏe, do công việc không phù hợp hoặc chưa thích nghi với công việc mới.

Nhìn chung, sự chuyển đổi từ lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực phi nông nghiệp là điều tất yếu của dân nhập cư Khmer. Với đặc trưng của khu vực ven đô thì cơ cấu nghề nghiệp này cũng được thể hiện rõ của nơi hội tụ các cơ sở sản xuất và các công trình xây dựng với tốc độ cao.

3.2. Sự thay đổi về thu nhập

Sự thay đổi về cơ cấu việc làm quyết định cho sự thay đổi về thu nhập. Về hình thức thu nhập cũng được thay đổi từ việc nhận tiền lương hằng ngày như ở quê, đến thu nhập theo tháng (74.8%) đến theo tuần (17.9%) hay đến khi nào có dịp về quê sẽ trả luôn một lần (2.6%). Dù hình thức thu nhập như thế nào thì mục đích cuối cùng của nhóm đối tượng này là tích góp hay gửi về quê nhà sau khi đã hoàn tất việc chi tiêu hằng ngày. “Tiền nhận hàng tháng của gia đình tôi ở đây sau khi trừ hết chi phí còn dư

khoảng 10 triệu. Phần tiền này tui tui cho vay, sau này khi về quê sẽ lấy lại để làm vốn”²² hay “em để lương cho cô chủ giữ, vài tháng em gửi về quê một lần. Em gửi hết tiền về quê cho mẹ giữ sau này có chồng mẹ cho của hồi môn”²³. Có đến 70.8% người nhập cư gửi tiền về quê nhà với những mục đích khác nhau như cho gia đình chi tiêu hằng ngày (72.9%), nuôi con nhỏ (20%), tiết kiệm (5.9%) và xây nhà 1.2%. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, người nhập cư Khmer đóng góp rất nhiều cho đời sống của gia đình ở quê nhà hay chuẩn bị cho một cuộc sống sau khi trở về quê.

Theo kết quả bảng hỏi, mức thu nhập trung bình hàng tháng của những người nhập cư đang có việc làm là 4.773.000VNĐ. Mức thu nhập cao nhất là 9.000.000VNĐ, thấp nhất là 1.000.000VNĐ. Cụ thể mức thu nhập dao động phổ biến khoảng 3-6 triệu một tháng, con số này chiếm 66.2%; từ 6-9 triệu chiếm 14.6% và thu nhập dưới 3 triệu chiếm 19.2%. Mức thu nhập này so với ở quê là cao hơn rất nhiều “Gia đình tôi chọn lên đây làm việc với tiền lương mỗi tháng hiện tại bằng với tiền dư được sau một năm làm việc ở quê. Ở dưới làm nông có khi lỗ, hay đủ ăn là vui lắm rồi”²⁴.

²¹ Anh T.V.T, công nhân tại công ty TNHH PouYuen Việt Nam, đến TP.HCM từ năm 2010.

²² Anh T.V.T, công nhân tại công ty TNHH PouYuen Việt Nam, đến TP.HCM từ năm 2010.

²³ Chị T.T.L, thợ làm bánh, đến TP.HCM từ năm 2006.

²⁴ Anh T.V.T, Công nhân tại công ty TNHH PouYuen Việt Nam, đến TP.HCM từ năm 2010.

Bảng 4. Mục đích gửi tiền về quê nhà của người Khmer nhập cư

STT	Mục đích	Người	% Người
1	Cho gia đình chi tiêu	62	72.9
2	Xây nhà	1	1.2
3	Tiết kiệm	5	5.9
4	Nuôi con nhỏ	17	20.0
	Tổng cộng	85	100.0

(Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, tháng 11 năm 2015)

Quan sát về cuộc sống của những người nhập cư Khmer phần lớn họ có cuộc sống đầy đủ “Mới thấy họ báo mất chiếc xe máy hôm trước thì hôm sao họ đã mua chiếc mới, nhìn họ vậy thôi chứ cuộc sống có dư đã lắm đấy”²⁵. Mức thu nhập của phần lớn của cộng đồng Khmer tại đây nhìn chung là trung bình cao, theo nhận xét của Trưởng khu phố. Đó cũng là những lý do họ di dân từ nông thôn lên đây nhằm tìm mức thu nhập tốt hơn cho cuộc sống. Họ truyền thông cho nhau về tính hấp dẫn của thu nhập cũng như những gì họ đạt được khi phải chấp nhận xa quê đã tạo thành một mạng lưới xã hội cho những người di cư, người này giới thiệu người kia. Phần lớn họ lên khi đã chắc chắn có việc hay đã được giới thiệu công việc từ người đi trước. Các mối quan hệ cộng đồng thể hiện rõ trong môi trường sống ở nông thôn. Tuy nhiên trong môi trường đô thị các mối quan hệ thay đổi để thích ứng với điều kiện sống và làm việc tại đây.

3.3. Sự thay đổi đời sống tinh thần thể hiện qua sự thay đổi các hình thức cư trú

Theo truyền thống dân tộc Khmer ở ĐBSCL chú trọng đến mối quan hệ của cộng đồng trong phum sóc²⁶, cuộc sống của họ quay quần trong phạm vi này, mọi người sống trong cùng phum, sóc luôn thăm hỏi và quan tâm nhau. Tuy nhiên tại Bình Tân những người Khmer cư trú chung hay gần nhau phần lớn là do họ có chung đặc điểm công việc

(nhóm công nhân, nhóm thợ, nhóm phụ hồ..). Mối quan hệ của họ cũng hạn chế trong những nhóm có cùng nơi cư trú.

Dân nhập cư Khmer tại đây cư trú 3 dạng chính: thứ nhất ở tại nơi lao động như thợ hồ, nơi cư trú là tại công trình xây dựng, nơi ở của họ cũng thay đổi theo địa điểm của công trình mà họ làm việc. “Tui không thuê nhà trọ vì nơi tui ở là những công trình tui theo làm, thường thì hết công trình này lại có công trình khác để làm nên tui cứ ở theo công trình mà chủ thầu nhận làm”²⁷. Thứ hai, chủ sử dụng lao động bố trí nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ sử dụng đông đảo lao động Khmer xuất xứ cùng địa phương giới thiệu lẫn nhau. Những đối tượng này sống chung một căn nhà do chủ bố trí “...em thì ở luôn nhà Cô (Cô chủ), Cô bao ăn ở, ở đây có 6 chị em cùng là thợ làm bánh như nhau, tụi em làm rồi ở lại đây luôn”²⁸. Hình thức cư trú thứ ba là ở trong các nhà trọ dành riêng cho công nhân, người lao động xác định và tự thuê nhà trọ. Từ đó, hình thành những khu vực cư trú riêng cho dân nhập cư Khmer lao động xa quê. Với hình thức cư trú này có điều đặc biệt tại quận ven Bình Tân là những khu nhà trọ của Ông T.B. Ông đã xây khu lưu trú cho dân nhập cư Khmer, các khu lưu trú này có từ những năm 1999, đến ngày nay các khu lưu trú này hỗ trợ rất nhiều chỗ ở cho dân nhập cư Khmer và hình thành nên cộng đồng người Khmer tại đây “Khu trọ lâu đời nhất ở đây là khu của Ông T.B, lúc trước ông xây cho thợ hồ làm công trình của ông sinh sống.

²⁵ Chú N.V.D. Trưởng khu phố 9 phường Bình Trị Đông B, Bình Tân.

²⁶ Nguyễn Khắc Cảnh (1997). *Loại hình công xã của người Khmer ở Đồng Bằng Sông Cửu Long*, luận án phó tiến sĩ khoa học lịch sử, Tp.HCM.

²⁷ Anh D.T.N, phụ hồ, đến TP.HCM từ năm 2005.

²⁸ Chị T.T.L, thợ làm bánh, đến TP.HCM từ năm 2006.

Sau này công trình hoàn thành rồi ông cũng để cho họ ở, họ chủ yếu là người Khmer cùng quê với Ông T.B, bây giờ thì họ làm nhiều nghề lắm nhưng ở đây thì họ sẽ được miễn tiền nhà trọ hoặc chỉ đóng một phần”²⁹.

Còn có thể ghi nhận người lao động Khmer xa quê thường liên lạc với nhau, do nhiều nguyên nhân: do cùng quê đã quen biết nhau, do khó tìm bạn ngoài cộng đồng dân tộc Khmer, do cùng tập quán, dân tộc... Người lao động Khmer thường gặp nhau kết bạn, vui chơi, nhậu nhẹt. Tuy nhiên dân nhập cư Khmer hạn chế các cuộc gặp hay thăm hỏi người thân, bạn bè, chỉ có 17.5% mẫu phỏng vấn sử dụng thời gian rảnh cho việc đi thăm người thân bạn bè, điều này cũng có nghĩa là họ không có người thân trên thành phố hoặc họ ít giành thời gian cho việc này. Phần lớn họ dùng thời gian nghỉ ngơi cho riêng họ (46.7%), trong đó 36.7% là nghỉ ngơi tại nhà, 0.8% đi công viên và 9.2% đi ăn uống.

Bảng 5. Sử dụng thời gian rảnh của dân nhập cư Khmer

Sử dụng thời gian rảnh	Người	% Người
Thăm người thân, bạn bè	21	17.5
Đi chơi công viên	1	0.8
Đi ăn uống	11	9.2
Đi thăm viếng chùa	34	28.3
Ở nhà nghỉ ngơi và xem ti vi	44	36.7
Khác	9	7.5
Tổng cộng	120	100.0

(Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, tháng 11 năm 2015)

Đối với dân nhập cư Khmer tại đây ít có thời gian rảnh nên họ ưu tiên cho nghỉ ngơi tái tạo sức lao động. “Ở đây phải đi làm suốt, chỉ được nghỉ ngày chủ nhật nên muốn ở nhà nghỉ ngơi hay tập hợp mọi người trong khu nhà trọ làm vài chai chứ

không đi đâu hết, ở đây không có đi thăm mọi người như ở quê”³⁰. Mối quan hệ của cộng đồng trong phum sóc được thay thế bằng mối quan hệ của những người cùng khu trọ hay mối quan hệ đồng nghiệp. Tuy nhiên, giữa họ vẫn có những khoảng cách nhất định “Nhậu chung vậy thôi chứ phòng ai nấy ở, ít có qua lại trò chuyện như hàng xóm ở quê vì mọi người phải đi làm với lại coi vậy chứ đâu có thân thiết gì (...) đồng nghiệp thì gặp nhau và uống cà phê chung vào buổi sáng trước khi bắt đầu công việc”.

Dân nhập cư Khmer thường tụ tập theo những nhóm nhỏ vào những dịp cuối tuần hoặc những dịp đặc biệt như tết năm mới của họ. Hiện tại “hội đồng hương” còn mờ nhạt (1.2% tham gia hội đồng hương). Phần lớn họ không biết đến sự tồn tại của hội đồng hương hoặc một tổ chức sinh hoạt chính cho việc họp mặt, vui chơi. Dân nhập cư Khmer rất ít tham gia các tổ chức và các mạng lưới xã hội chính thức. Theo lời của Ông L.N.K. Trưởng khu phố 4 phường An Lạc, họ thường không tham gia vào các hoạt động văn hóa hay các tổ chức của khu phố. “Ở đây cũng có những hoạt động văn hóa, văn nghệ cho thanh niên, các hoạt động của hội phụ nữ, hội người cao tuổi nhưng chúng tôi không thấy họ tham gia, có chăng chỉ là con em của họ đến vui trung thu cùng với các bé khác trong khu phố”. Các đối tượng nhập cư này “ngại” tiếp xúc với người Kinh, cũng chính vì vậy mà thanh niên nhập cư Khmer muốn kết hôn với người cùng dân tộc Khmer, mặc dù họ có điều kiện tiếp xúc với người Kinh “Em ở trong gia đình của Cô là người Kinh, em cũng biết nhiều bạn là người Kinh nhưng khi lấy chồng em sẽ về quê và lấy người Khmer vì họ dễ hiểu mình hơn”³¹. Đó cũng là một trong những lý do mà dân nhập cư Khmer luôn muốn trở về quê nhà.

²⁹ Chú N.V.D. Trưởng khu phố 9 phường Bình Trị Đông B, Bình Tân.

³⁰ Anh T.V.T, công nhân tại công ty TNHH PouYuen Việt Nam, đến TP.HCM từ năm 2010.

³¹ Chị T.T.L, thợ làm bánh, đến TP.HCM từ năm 2006.

Bảng 6. Nguyên vọng ưu tiên số 1 trong thời gian tới của người Khmer nhập cư

STT	Nội dung nguyên vọng ưu tiên 1	Người	% Người
1	Muốn hồi hương khi đủ tiền	27	27.8
2	Công việc ổn định	14	14.4
3	Xây nhà mới dưới quê	14	14.4
4	Tìm được việc lương cao	10	10.3
5	Được tăng lương	9	9.3
6	Gửi nhiều tiền về quê và ưu tiên con cái học hành	10	10.3
8	Muốn được về quê ăn tết hàng năm	2	2.1
9	Học nghề, hay được cấp bảo hiểm y tế	4	4.2
11	Khác	7	7.2
	Tổng cộng	97	100.0

(Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, tháng 11 năm 2015)

Chị T.T.L mới 23 tuổi nhưng nguyên vọng của Chị là sau này trở về quê để sinh sống. Là một thanh niên, T.T.L khao khát được giao lưu tiếp xúc với các bạn cùng trang lứa “Lúc đầu lên đây em được người quen giới thiệu làm công việc nhà và giữ trẻ cho gia đình người ta, nhưng buổi tối nào cũng phải dọn dẹp, trong em đến 9 giờ tối, chủ nhật cũng làm nên em không đi chơi cùng bạn bè được”³². Chị T.T.L đến Sài Gòn từ năm 14 tuổi đến nay đã được 9 năm. N.T.L đã bắt đầu công việc giúp việc gia đình nhưng do công việc không thoải mái về mặt thời gian nên Chị N.T.L chọn công việc hiện tại là phụ giúp làm bánh trong một gia đình kinh doanh nghề làm bánh tư nhân”. Nghề làm bánh thì có khi phải tăng ca nhưng cũng có khi rảnh, nhất là vào cuối tuần có thể đi chơi cùng các bạn cùng quê. Khi họ quyết định di cư là do có người cùng quê giới thiệu, họ là những người đi trước, đã có công việc tại nơi đến. Nhờ vào mạng lưới xã hội này, họ hỗ trợ nhau trong việc tìm việc và giải quyết những khó khăn trong thời gian đầu khi quyết định xa rời nơi cư trú ban đầu của mình. Đặc điểm cư trú của người Khmer tại quận Bình Tân là “co cụm” lại thành từng khu. Tính chất cư trú tách biệt là điểm khác biệt của người Khmer sinh sống tại TP.HCM

với người Khmer tại các tỉnh vốn là một dân tộc sinh sống theo cộng đồng.

Qua khảo sát, người dân nhập cư Khmer gắn bó với ngôi nhà ở quê, với các mối quan hệ ở quê, mục đích là kiếm tiền để gửi về quê hoặc tích góp tiền để đem về quê làm vốn, do vậy họ luôn mong mỏi có ngày được quay trở về nơi họ đã ra đi. Nguyên vọng ưu tiên số một trong thời gian tới là hồi hương khi đủ tiền (chiếm 27.8%), tỷ lệ này chiếm cao nhất trong kết quả phỏng vấn; mong muốn có công việc ổn định là 14.4%; xây dựng nhà mới ở quê (14.4%); tìm được công việc lương cao (10.3%)... Họ ưu tiên lựa chọn cho việc trở về quê nhà mặc dù điều kiện cư trú của dân nhập cư Khmer cũng thuận lợi hơn so với mặt bằng cư trú của dân nhập cư nói chung. Điều kiện cư trú kiên cố và bán kiên cố chiếm gần 60% kết quả phỏng vấn. Phần lớn là nhờ vào Ông T.B muốn xây nhà ở cho những đối tượng nhập cư cùng tộc người với mình.

Nhìn chung kết quả trên cho thấy sự chuyển đổi về nơi cư trú, đặc trưng nghề nghiệp phi nông nghiệp dẫn đến việc xa rời các hoạt động đời sống tinh thần thiết yếu của đồng bào dân tộc Khmer và nhất là những đối tượng di dân còn để lại gia đình của họ ở quê nhà. Đó là lý do dân nhập cư Khmer mong mỏi được trở về quê nhà, nơi gần với gia đình, gần các mối quan hệ cộng đồng trong phum

³² Chị T.T.L, thợ làm bánh, đến TP.HCM từ năm 2006.

sóc, nhất là được gần Ngôi chùa Khmer, một phần quan trọng trong đời sống tinh thần của họ.

3.4. Sự thay đổi đời sống tinh thần thể hiện qua mối quan hệ gắn kết với ngôi chùa

Tính cộng đồng của người Khmer và sự gắn kết cộng đồng dân tộc thông qua nhà chùa thể hiện rất đậm nét³³. Người Khmer vốn là dân tộc tôn sùng phật pháp³⁴, các tục lệ, thói quen của mọi người điều đối chiếu theo lời phật dạy, căn cứ theo kinh sách nhà phật. Ngôi chùa trong phum, sóc là tâm điểm của các cuộc họp, lễ bái, vui chơi, học tập³⁵. Ngôi chùa trong cộng đồng Khmer không những chỉ có chức năng tôn giáo mà còn đảm nhận các chức năng văn hóa-xã hội với từng cá nhân và cả cộng đồng³⁶. Ngôi chùa là một phần không thể thiếu trong đời sống của cộng đồng người Khmer tại ĐBSCL. Là nơi dạy học cho con em của họ. Tuy nhiên khi di dân lên TP.HCM, họ đã không còn thói quen đến chùa thường xuyên nữa. “Khi còn ở quê tôi đi chùa hai lần một tuần, chủ yếu là dâng cơm cúng trong chùa, từ lúc lên đây tôi chỉ đi một đến hai lần trong năm vì chùa ở đây xa nơi trọ, sinh hoạt trong chùa không giống như ở quê, không biết làm gì khi đến chùa (...) Với lại, tôi cũng làm việc suốt không có thời gian rảnh nhiều đâu mà đi chùa”³⁷. Kết quả bảng hỏi cho thấy 95% dân nhập cư Khmer là phật tử hay tín ngưỡng phật giáo nam tông. Tuy nhiên chỉ 17.5 % người được phỏng vấn đi chùa thường xuyên. Nhìn chung, phần lớn những người Khmer lao động xa quê, dù xuất thân từ đạo phật nam tông, nhưng đã sống tách rời ngôi chùa (trừ thời gian lễ hội), sống hầu hết thời gian lưu trú như những

người không tôn giáo³⁸. Con số 82.5% người được phỏng vấn còn lại là thỉnh thoảng (35.8%) rất hiếm khi (20%) và không đi lễ chùa (26.7%).

Bảng 7. Mức độ đi thăm, viếng chùa của dân nhập cư Khmer quận Bình Tân

Mức độ đi thăm, viếng chùa	Người	% Người
Thường xuyên	21	17,5
Thỉnh thoảng	43	35.8
Rất hiếm khi	24	20.0
Không đi chùa	32	26.7
Tổng cộng	120	100.0

(Nguồn: Số liệu điều tra của nhóm nghiên cứu, tháng 11 năm 2015)

Về nguyên nhân, có thể kể đến như sau:

- Không được biết về sinh hoạt nhà chùa để tham dự, không biết làm gì khi đến chùa vì không quen các hành lễ.
- Nơi lao động, cư trú ở xa chùa Khmer. Hiện nay, ở TP.HCM chỉ có 2 chùa Khmer: chùa Podhi Vong (Quận Tân Bình) và chùa Candaransi (Quận 3), tuy nhiên hai chùa này đang bị quá tải³⁹, nhất là vào những ngày lễ lớn. Hiện tại, các quận ven của TP.HCM nói chung và của Bình Tân nói riêng chưa có Chùa phật giáo nam tông. Dân nhập cư Khmer tại đây không tìm thấy nét tương đồng trong ngôi chùa bắc tông, nhưng đi đến chùa Khmer ở Tân Bình hay quận 3 là quá xa so với nơi cư trú của họ.
- Thời gian lao động chiếm hết thời gian sinh hoạt và giải trí. Đối với nhóm dân nhập cư Khmer lao động phụ việc, buôn bán, giúp việc nhà thì thời gian lao động chiếm tỷ lệ cao đối với thời gian sinh hoạt, hầu như họ bận việc tất

³³ Nguyễn Ngọc Đệ và Trần Thanh Bé, *Người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long: những điều kiện để thoát nghèo*, Tạp chí Nghiên cứu Khoa Học 2005, số 4, trang 163 đến 172.

³⁴ Lê Hương, *Người Việt gốc Miên*, Nhà xuất bản Khai Trí, Sài Gòn, 1969.

³⁵ Toàn Ánh, Cửu Long Giang (2002). *Người Việt Đất Việt*, NXB Văn học, Hà Nội.

³⁶ Nguyễn Khắc Cảnh, *Văn hóa truyền thống của người Khmer nam bộ nhìn từ khía cạnh ngôi chùa*. Tạp chí phát triển khoa học công nghệ, tập 14, số X3, 2011.

³⁷ Anh T.V.T, công nhân tại công ty TNHH PouYuen Việt Nam, đến TP.HCM từ năm 2010.

³⁸ <http://phatgiao.org.vn/van-de-quan-tam/201406/Gin-giu-dao-phat-o-thanh-nien-Khmer-lao-dong-xa-que> (truy cập ngày 30/06/2014).

³⁹ Nguyễn Thị Hương, Lê Thị Mỹ Hà, Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc Khmer ở Tp.HCM. Trích từ kỷ yếu hội thảo khoa học « Cộng đồng dân tộc thiểu số ở TP.HCM 40 năm hội nhập và phát triển », Hội thảo viện nghiên cứu và phát triển TP.HCM và ban dân tộc Tp.HCM ngày 09/09/2015.

cả mọi ngày trong tuần. Đối với nhóm công nhân nhập cư Khmer, thời gian nghỉ lại dùng hết vào việc vui chơi ăn nhậu, hầu như không có thời gian dành cho sinh hoạt tôn giáo.

Nhìn chung hoạt động tôn giáo được xem là không thể thiếu đối với cộng đồng Khmer ở ĐBSCL đã trở nên ít được quan tâm đối với dân nhập cư Khmer tại khu vực ven đô Bình Tân. Động lực quan trọng của họ khi di dân đến vùng đất này là làm việc và tạo thu nhập, do đó vai trò của chùa không còn là quan tâm ưu tiên trong cuộc sống tinh thần của họ, và lại một ngôi chùa Khmer đứng nghĩa, gần gũi với họ không tồn tại ở khu vực ven đô. Họ đã thích ứng một cách tự phát dựa trên nhu cầu quan trọng thiết yếu của họ và điều kiện vật chất tại nơi đến. Sự thiếu vắng những ngôi chùa Khmer tại quận ven Bình Tân làm cho đời sống văn hóa tôn giáo của dân nhập cư Khmer bị “quên lãng” phần nào.

4. Kết luận

Di dân là một hệ quả tất yếu của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, những dòng di dân từ nông thôn lên đô thị của đối tượng dân Khmer chủ yếu nhằm giải quyết những khó khăn cho cuộc sống ở quê nhà. Thiếu đất, không có việc làm và thu nhập thấp tại nông thôn là những nguyên nhân chính thúc đẩy họ rời làng quê đến thành phố. Với nguyện vọng trở về quê nên mục đích chính của họ là làm việc và tích góp tiền để xây nhà và trở về quê.

Từ các hoạt động chính ở quê nhà là nông nghiệp thì dân nhập cư Khmer thích ứng với môi trường sống mới ở đô thị với những hoạt động sinh kế rất đa dạng bằng cách tự phát là chủ yếu. Dân

nhập cư Khmer chịu thương, chịu khó đảm đương các công việc khác nhau. Họ thay đổi để thích ứng với điều kiện sống mới. Mạng lưới xã hội từ những người nhập cư này giúp cho họ thích ứng tốt với điều kiện sống và làm việc tại TP.HCM. Các thích ứng có kế hoạch lâu dài ít được thể hiện, hiện tại chính quyền địa phương chưa có những chính sách hỗ trợ giành cho nhóm đối tượng này. Tuy nhiên, về tầm nhìn ngắn hạn, dân nhập cư Khmer thích nghi khá tốt các hoạt động sinh kế tại khu vực ven Bình Tân. Đối với họ mức thu nhập cao tại đây giúp họ giải quyết được nợ nần và cải thiện cuộc sống tại quê nhà.

Các phum sóc của đồng bào dân tộc Khmer vẫn luôn trong trái tim họ với các mối quan hệ họ hàng, hàng xóm và hai từ “quê nhà” luôn thôi thúc họ trở về, họ mong mỏi được trở về mặc dù họ đã hài lòng với điều kiện thu nhập tại đây và họ cũng có thời gian cư trú lâu năm.

Nhìn chung các đối tượng dân nhập cư Khmer đóng góp rất lớn trong việc cung ứng nguồn nhân lực cho các khu ven đô, nơi có tốc độ đô thị hóa mạnh mẽ và đòi hỏi lớn về nguồn lao động 3D. Họ còn là những đối tượng di dân góp phần làm cải thiện đời sống ở quê nhà. Với tình hình biến đổi khí hậu, sự cạn kiệt tài nguyên đất và thất mùa do thiên tai, các dòng di dân, trong đó có dân nhập cư Khmer ngày càng tăng là điều không thể tránh khỏi. Do đó cần thiết để có những chính sách hỗ trợ cho họ thích nghi dễ dàng hơn với các hoạt động sinh kế, tránh bấp bênh trong thời gian đầu và nhất là giúp họ có thể phần nào thỏa mãn được đời sống tinh thần tại nơi đến thông qua ngôi chùa và các hoạt động cộng đồng.

The livelihood adaptation of Khmer immigrants in Binh Tan district, Ho Chi Minh City: a case study from Binh Tri Dong B and An Lac wards

- **Ngo Thi Thu Trang**
- **Ho Kim Thi**
- **Chau Thi Thu Thuy**
- **Ngo Hoang Dai Long**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Peri-urban areas are characterized by their landscapes of closely mixed rural and urban activities and also by the agglomeration of industrial clusters, going with high labor demand. Binh Tan district is a peri-urban area of Ho Chi Minh City, with a fast urbanization rate, mainly due to significant flows of rural migrants, especially coming from the Mekong Delta region. Data show that Khmer immigrants choose this district to improve their livelihood and incomes, with different livelihood diversification. Nevertheless, most of these livelihood activities belong to the informal employment sector. This paper aims to analyze their livelihood capacity of adaptation in the context of the fast changing peri-urban area of Binh Tan district. The results are based on mixed method of primary data and secondary data analysis. Secondary data was collected from two surveys, conducted in two wards

(Binh Tri Dong B and An Lac), with 120 questionnaires and 10 in-depth interviews with multi-stakeholders. The results show that Khmer immigrants adapted gradually to urban life, but still have to face new challenges in the adaptation to new livelihoods. Indeed, Khmer immigrants come originally from rural regions, with livelihoods based on agricultural activities. They also combine specific cultural identities. These reasons lead to different disadvantages in their new livelihoods in a large city. As a result, whereas the structure of their employment and income change in a positive trend, the spiritual life changes in a negative trend. To illustrate this difference more clearly, this paper presents some Khmer immigrants' portraits, who are working in different types of livelihood in both favorable and adverse aspects of the adaptation to a new life in peri-urban area.

Keywords: *peri-urban areas, livelihood adaptation, livelihood transformation, Khmer immigrants*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tiếng Việt**
- [1]. Toàn Ánh, Cửu Long Giang (2002), *Người Việt Đất Việt*, NXB Văn học. Hà Nội.
- [2]. AusAID, (2004), *Phân tích hiện trạng nghèo đói ở ĐBSCL*, Báo cáo tổng kết dự án Phân tích hiện trạng nghèo đói ở ĐBSCL.
- [3]. Action Aid, Irish Aid, (2011), *Phụ nữ di cư trong nước-Hành trình gian nan tìm kiếm cơ hội*
http://www.actionaid.org/sites/files/actionaid/av_baocaopndicu_vn.pdf
- [4]. Nguyễn Khắc Cảnh, (1997), *Loại hình công xã của người Khmer ở Đồng Bằng Sông Cửu Long*, Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Lịch sử, Tp. HCM.
- [5]. Nguyễn Khắc Cảnh, “Văn hóa truyền thống của người Khmer nam bộ nhìn từ khía cạnh ngôi chùa”, *Tạp chí phát triển khoa học công nghệ*, tập 14, số X3, 2011.
- [6]. Chi cục Thống kê Tp. HCM (2010), *Niên giám Thống kê Quận Bình Tân*, Nxb Thống kê.
- [7]. Lê Bạch Dương, Nguyễn Thanh Liêm, (2011), *Từ nông thôn ra thành phố: tác động kinh tế-xã hội của di cư ở Việt Nam*, NXB Lao động, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Ngọc Đệ và Trần Thanh Bé, “Người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long: những điều kiện để thoát nghèo”, *Tạp chí nghiên cứu khoa học 2005*, số 4, tr.163 -172.
- [9]. Trần Tiến Khai, Nguyễn Ngọc Danh, (2012), *Quan hệ giữa tài sản sinh kế và nghèo ở nông thôn Việt Nam*, Đại học Kinh tế TP. HCM.
- [10]. Lê Hương (1969), *Người Việt góc Miên*, Nhà xuất bản Khai Trí, Sài Gòn.
- [11]. Nguyễn Thị Hoài Hương, (2012), “Chất lượng cuộc sống của người Khmer ở TP. HCM”, Hội thảo *Chất lượng cuộc sống của người dân TP. HCM trong bối cảnh kinh tế hiện nay*.
- [12]. Nguyễn Thị Hương, Lê Thị Mỹ Hà, “Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc Khmer ở Tp. HCM”, Trích từ kỷ yếu hội thảo khoa học *Cộng đồng dân tộc thiểu số ở TP. HCM 40 năm hội nhập và phát triển*, Hội thảo viện nghiên cứu và phát triển TP. HCM và ban dân tộc Tp. HCM ngày 09/09/2015.
- [13]. Ngô Phương Lan, (2012) “Bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Kh’mer ở Đồng Bằng Sông Cửu Long”, *Tạp chí nghiên cứu con người*, Số 3, trang 44-54.
- [14]. Ngô Văn Lệ, “Các nhân tố văn hóa xã hội đối với sự phát triển và phát triển bền vững của các dân tộc người thiểu số: Trường hợp nghiên cứu người Khmer và Chăm Nam bộ”, *Hội nghị thông báo Dân tộc học năm 2011*, Hà Nội.
- [15]. Hồ Kim Thi (2014), Thích ứng sinh kế của hộ nông dân Khmer ở vùng ven đô Quận Ô Môn TP. Cần Thơ, Luận văn Thạc sĩ, Trường ĐHKHXH&NV TPHCM.
- [16]. Nguyễn Văn Tài (1998), *Di dân tự do nông thôn - thành thị ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Nông nghiệp, 218p
- [17]. Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 TP. HCM
- [18]. Võ Văn Sen, Trương Quang Hải, Bùi Văn Tuấn, “Nguồn lực sinh kế của hộ gia đình huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang”. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, T. 17, S. 4X (2014).
- [19]. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, (2011), *Giảm nghèo ở Việt Nam: Thành tựu và thách thức*.
- [20]. ActionAid, Oxfam, (2012), *Giảm nghèo đô thị tại Việt Nam: Thách thức mới, cách tiếp cận mới*, Tóm tắt kết quả chính của Dự án Theo dõi Nghèo Đô thị 2008 – 2012.

- [21]. Quyết định 68/2005/QĐ-UB, ngày 04 tháng 05 năm 2005
Tiếng nước ngoài
- [22]. Department of International Development (DFID),(2001). Sustainable Livelihoods Guidance Sheet, London.
- [23]. Mc.Gee Terry (1991), “The emergence of Desakota regions in Asia: Expanding a hypothesis”, Ginsberg.N, Koppel.B And Mc.Gee. T. (dir.). The extended metropolis: Settlement transition in Asia, Hawaii: Honolulu, University of Hawaii press, p.3-25.
- [24]. Ngo Thi Thu Trang, (2014), Périurbanisation et Modernité à Hồ Chí Minh-Ville. Étude du cas de l’arrondissement Bình Tân. Luận án tiến sĩ chuyên ngành Địa lý và Quy hoạch lãnh thổ, trường Đại học Pau và vùng Adour, 419 trang.
- Internet**
- [25]. <http://phatgiao.org.vn/van-de-quan-tam/201406/Gin-giu-dao-phat-o-thanh-nien-Khmer-lao-dong-xa-que> (truy cập ngày 30/06/2014).
- [26]. <http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/20100529/lam-the-kt3-khong-de/381073.html> (truy cập ngày 29/05/2010).